



---

# XUẤT KHẨU DẶM GỖ CỦA VIỆT NAM 2012-2014

---

**Tô Xuân Phúc (Forest Trends)**

**Trần Lê Huy (FPA Bình Định)**

**Nguyễn Tôn Quyền (VIFORES)**

**Huyền Văn Hạnh (HAWA)**

**Cao Thị Cẩm (VIFORES)**

Tháng 6 năm 2015

## **LỜI CẢM ƠN**

Báo cáo là sản phẩm hợp tác của Tổ chức Forest Trends và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Hội Gỗ mỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA). Chúng tôi xin cảm ơn Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Anh (DFID) đã hỗ trợ một phần trong quá trình phân tích số liệu và biên soạn Báo cáo. Bản thảo của Báo cáo đã được trình bày tại buổi Tọa đàm về dăm gỗ được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Nhóm tác giả xin cảm ơn sự đóng góp ý kiến của các đại biểu tham gia Tọa đàm. Quan điểm trong Báo cáo là của tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của tổ chức nơi tác giả đang công tác hay của cơ quan tài trợ.

## TÓM TẮT

Ngành chế biến và xuất khẩu dăm gỗ (ngành dăm) của Việt Nam liên tục phát triển trong khoảng một thập kỷ vừa qua. Kể từ năm 2011, Việt Nam đã trở thành quốc gia có lượng dăm gỗ xuất khẩu lớn nhất thế giới. Năm 2014 Việt Nam đã xuất khẩu được 6,97 triệu tấn dăm khô tương đương với 13,9 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu, và đạt kim ngạch 958 triệu USD. Mặc dù khối lượng và kim ngạch xuất khẩu năm 2014 giảm so với năm 2013 bởi thị trường năm 2014 có biến động lớn, xu thế chung cho thấy thị trường xuất khẩu dăm vẫn tiếp tục được mở rộng trong tương lai.

Cả nước hiện có 130 cơ sở chế biến xuất khẩu dăm đang vận hành, tăng 16% so với con số 112 nhà máy của năm 2012. Với tổng công suất thiết kế của các nhà máy trên 8 triệu tấn dăm khô/năm, các nhà máy hoạt động hết công suất sẽ đòi hỏi một lượng gỗ nguyên liệu đầu vào tương đương với trên 16 triệu m<sup>3</sup>, hầu hết từ nguồn rừng trồng. Xu thế thị trường xuất khẩu tiếp tục được mở rộng như hiện nay là tín hiệu cho thấy số lượng các nhà máy dăm sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Thông tin từ các doanh nghiệp dăm cho thấy cơ cấu nguyên liệu dăm hiện tại bao gồm 70% là cây (rừng trồng) có đường kính dưới 10 cm và cành ngọn. Phần còn lại (30%) là từ phế liệu, gỗ tận dụng sau cưa xẻ để tinh chế các sản phẩm gỗ hoàn chỉnh.

Sự phát triển của ngành dăm đã và đang làm nảy sinh những tranh luận gay gắt giữa ngành dăm và ngành chế biến gỗ, bởi hai ngành này cùng sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là gỗ rừng trồng. Tranh luận cũng xoay quanh các cơ chế chính sách của Nhà nước liên quan đến quản lý và phát triển nguồn tài nguyên rừng trồng theo hướng giảm lệ thuộc vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu cho ngành chế biến thông qua việc hạn chế xuất khẩu dăm và khuyến khích trồng rừng gỗ lớn.

Theo quan điểm của các doanh nghiệp chế biến gỗ, sự hình thành và phát triển của ngành dăm đã làm mất cơ hội cho ngành chế biến gỗ, bởi 70-80% sản lượng gỗ rừng trồng hiện nay được đưa vào chế biến dăm phục vụ xuất khẩu. Các doanh nghiệp chế biến gỗ cũng cho rằng xuất khẩu dăm là xuất khẩu nguyên liệu thô, và chỉ mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội hạn chế. Dựa trên quan điểm này, ngành chế biến gỗ kiến nghị hạn chế sự phát triển của ngành dăm, nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn, từ đó tạo nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào cho ngành chế biến gỗ. Ngành gỗ tin rằng nếu làm được điều này, nguồn gỗ rừng trồng sẽ được đưa vào chế biến sâu, từ đó mang lại lợi ích cao hơn cho cả doanh nghiệp chế biến gỗ và người trồng rừng. Thêm vào đó, ngành chế biến gỗ sẽ có cơ hội giảm sự lệ thuộc vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu và điều này không những giúp cho các doanh nghiệp chế biến gỗ giảm được rủi ro có liên quan đến tính hợp pháp của nguồn gỗ nhập khẩu mà còn giúp cho ngành gỗ phát triển bền vững.

Khác với quan điểm của ngành chế biến gỗ, các doanh nghiệp dăm cho rằng diện tích rừng trồng của Việt Nam tăng nhanh trong thời gian gần đây là do sự hình thành và mở rộng của ngành dăm. Nói cách khác, ngành dăm hiện đang làm vai trò bả đỡ nguồn gỗ rừng trồng và điều này tạo động lực quan trọng đẩy nhanh việc mở rộng diện tích, góp phần cải thiện sinh kế cho hàng triệu hộ dân tham gia trồng rừng. Các doanh nghiệp dăm cho rằng hiện vẫn còn thiếu các yếu tố thúc đẩy hộ trồng rừng gỗ lớn làm nguyên liệu cho chế biến gỗ và do vậy trồng rừng làm nguyên liệu dăm vẫn đang là sự lựa chọn phù hợp của nhiều hộ gia đình. Cụ thể, nhiều hộ trồng rừng vẫn đang gặp khó khăn như hạn chế về nguồn thu tiền mặt, khó tiếp cận được nguồn tín dụng. Những khó khăn này làm hộ thiếu nguồn lực đầu tư nhằm kéo dài chu của rừng trồng, do vậy không tạo được gỗ lớn. Bên cạnh đó, các yếu tố khác như thiếu nguồn cây giống tốt, rủi ro do thiên tai, khó tiếp cận với các doanh nghiệp chế biến gỗ cũng là các khó khăn hạn chế hộ phát triển gỗ lớn. Theo ngành dăm, để tạo gỗ lớn cơ chế chính sách cần phát triển theo hướng giải quyết thỏa đáng các khó khăn nội tại của hộ cũng như các yếu tố hạn chế bên ngoài.

Chiến lược Phát triển lâm nghiệp của Quốc gia đến 2020 nêu rõ “*giảm dần chế biến dăm giấy xuất khẩu.*” Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp năm 2013 nhấn mạnh “*điều chỉnh cơ cấu sản phẩm gỗ...nhất là các sản phẩm xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng giá trị lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu được*

*gây trồng trong nước.... hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm thô (bao gồm cả dăm gỗ)."* Kế hoạch hành động nâng cao giá trị sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014-2020 đề ra mục tiêu *"duy trì khối lượng dăm xuất khẩu 6 triệu tấn như hiện nay"* và *"đến năm 2020 chế biến dăm xuất khẩu 3 triệu tấn/năm (giảm 3 triệu tấn, tương đương với 50% so với năm 2015, bình quân 10%/năm."* Gần đây nhất, vào tháng 2 năm 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định phê duyệt kế hoạch triển khai phương án quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014-2020 trong đó nhấn mạnh: *"rà soát, sắp xếp các cơ sở sản xuất dăm gỗ gắn với vùng nguyên liệu nhằm đổi mới nâng cao hiệu quả trong sản xuất dăm."* Nhằm giảm lượng dăm gỗ sản xuất theo lộ trình đã đề ra, Bộ kiến nghị áp dụng chính sách thuế theo hướng *"tăng thuế xuất khẩu dăm gỗ và giảm thuế xuất khẩu đối với sản phẩm gỗ tinh chế xuất khẩu"*.

Báo cáo này cho rằng hạn chế sự phát triển của ngành dăm với mục đích tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm gỗ rừng trồng là định hướng hợp lý, đặc biệt trong bối cảnh ngành chế biến gỗ đang phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Hạn chế sự phát triển của ngành dăm nếu tạo được gỗ lớn sẽ tạo cơ hội làm tăng giá trị cho sản phẩm gỗ, từ đó đem lại lợi ích kinh tế cho cả ngành chế biến gỗ và người trồng rừng.

Tuy nhiên câu hỏi quan trọng đặt ra ở đây là các cơ chế, chính sách nhằm hạn chế sự phát triển của ngành dăm, bao gồm cả việc áp dụng thuế xuất khẩu dăm cần phải được thiết kế và thực hiện như thế nào để tránh làm ảnh hưởng đến hàng triệu hộ gia đình đang tham gia trồng rừng hiện nay? Khi nào thì nên áp dụng thuế xuất khẩu dăm và nếu áp dụng thì với mức thuế nào là phù hợp? Áp dụng thuế xuất khẩu dăm sẽ tác động như thế nào đến các bên hiện đang tham gia chuỗi cung, và đến các ngành cùng sử dụng gỗ rừng trồng làm nguyên liệu đầu vào như ngành chế biến gỗ và ngành giấy?

Hạn chế xuất khẩu dăm nhằm tạo gỗ lớn sẽ đạt được hiệu quả nếu các cơ chế chính sách tạo được động lực cho các hộ gia đình đầu tư vào trồng rừng gỗ lớn. Để hộ làm được điều này thì áp dụng thuế xuất khẩu dăm là chưa đủ. Hộ trồng rừng cần phải tiếp cận được với nguồn giống cây con tốt, với nguồn tín dụng ưu đãi nhằm thực hiện đầu tư kéo dài chu kỳ cây. Bên cạnh đó, cần có các cơ chế hiệu quả và an toàn ví dụ như bảo hiểm rừng trồng nhằm giảm thiểu rủi ro do thiên tai cũng như dễ dàng trong việc tiếp cận thị trường nhằm tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Điều này đòi hỏi vai trò quan trọng của hệ thống thông tin và cơ sở hạ tầng khuyến khích và thúc đẩy việc thông thương các sản phẩm hàng hóa, bao gồm cả gỗ rừng trồng và sự tham gia hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương cũng như các doanh nghiệp chế biến gỗ. Áp dụng chính sách thuế xuất khẩu dăm trong bối cảnh thiếu vắng các yếu tố làm tiền đề cho việc đầu tư trồng rừng gỗ lớn có nguy cơ làm ách tắc nguồn gỗ rừng trồng đầu ra hiện nay của hộ. Nếu các yếu tố hỗ trợ này tiếp tục thiếu vắng trong tương lai, hộ sẽ có thể mất động lực đầu tư vào trồng rừng và chuyển sang các loại hình sử dụng đất khác bất lợi cho nguồn tài nguyên rừng.

## MỤC LỤC

<b>1. GIỚI THIỆU .....</b>	<b>6</b>
<b>2. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ XUẤT KHẨU DẪM GỖ NĂM 2012-2014 .....</b>	<b>7</b>
2.1. Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu .....	7
2.2. Giá dăm xuất khẩu .....	9
<b>3. CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH.....</b>	<b>9</b>
3.1. Khối lượng dăm gỗ xuất khẩu .....	9
3.2. Kim ngạch xuất khẩu dăm .....	10
3.3. Các thị trường xuất khẩu chính.....	11
<b>4. CÁC CẢNG XUẤT KHẨU DẪM GỖ CHÍNH .....</b>	<b>12</b>
4.1. Khối lượng dăm xuất khẩu qua các cảng biển .....	12
4.2. Kim ngạch xuất khẩu dăm qua các cảng biển.....	14
<b>5. MỘT SỐ THẢO LUẬN .....</b>	<b>15</b>
5.1. Một số khía cạnh về thị trường .....	15
5.2. Cạnh tranh trong ngành dăm và với các ngành khác có liên quan.....	16
5.3. Nguồn cung gỗ rừng trồng và vai trò của hộ gia đình .....	17
5.4. Một số khía cạnh về chính sách.....	18
<b>6. KẾT LUẬN.....</b>	<b>20</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>21</b>

## 1. GIỚI THIỆU

Kể từ năm 2011 Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu dăm gỗ lớn nhất trên thế giới, với lượng xuất khẩu trong năm này đạt 5,7 triệu tấn khô, tương đương với 20% tổng khối lượng dăm giao dịch toàn cầu (Trần Lê Huy và Tô Xuân Phúc 2013). Năm 2012 kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam đạt khoảng 800 triệu USD, một con số rất ấn tượng (cùng nguồn trích dẫn)..

Theo kết quả nghiên cứu về ngành dăm do Tổ chức Forest Trends phối hợp với Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES) và Hiệp hội gỗ Bình Định (FPA Bình Định) thực hiện năm 2012,<sup>1</sup> gần 50% nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến dăm có nguồn gốc từ các hộ gia đình; 50% lượng cung còn lại là từ các công ty lâm nghiệp của Nhà nước và tư nhân, và từ một số hợp tác xã. Khoảng 70% lượng dăm là từ gỗ keo, 27% từ gỗ bạch đàn và 3% từ gỗ trầm bông vàng. Trong năm 2012 Việt Nam có 112 nhà máy chế biến dăm phục vụ xuất khẩu. Hầu hết đây là các cơ sở của tư nhân. Tổng công suất thiết kế của 112 nhà máy này khoảng 8 triệu tấn dăm khô/năm. Tuy nhiên, do thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu đầu vào các nhà máy này chỉ hoạt động khoảng 60-70% công suất.

Toàn bộ lượng dăm gỗ được sản xuất từ Việt Nam là để xuất khẩu; bốn thị trường chính bao gồm Trung Quốc (năm 2012, lượng dăm gỗ xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc chiếm gần 55% trong tổng lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam), Nhật Bản (24%), Hàn Quốc (14,5%) và Đài Loan (4%). Nghiên cứu của Forest Trends, VIFORES và FPA Bình Định cũng chỉ ra rằng ngành dăm đang phát triển nóng, với số lượng các nhà máy gia tăng rất nhanh trong một khoảng thời gian ngắn; điều này làm mất cân bằng giữa vị trí các nhà máy chế biến dăm và vùng nguyên liệu.

Báo cáo **Xuất khẩu dăm gỗ Việt Nam 2012-2014** do Tổ chức Forest Trends phối hợp với VIFORES, FPA Bình Định và Hội Gỗ mỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) thực hiện. Báo cáo nhằm cập nhật các thông tin về tình hình xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam trong 3 năm vừa qua (2012-2014). Cụ thể, Báo cáo phân tích động thái thay đổi của các thị trường xuất khẩu dăm, cụ thể về số lượng xuất khẩu, kim ngạch, giá cả và thị trường đầu ra.

Số liệu trình bày trong Báo cáo này chủ yếu được thu thập từ nguồn số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan. Ngoài ra Báo cáo phân tích một số chính sách hiện hành của Nhà nước có liên quan đến ngành dăm. Các tác giả cũng tiến hành tham vấn với các Hiệp hội gỗ và dăm trong cả nước, và một số cơ sở chế biến dăm cũng như từ một số hộ trồng rừng.

Báo cáo được chia làm 6 phần chính. Phần 2 tiếp theo mô tả một số nét chính về xuất khẩu dăm của Việt Nam giai đoạn 2012-2014. Phần 3 phân tích các thị trường xuất khẩu, trong đó phân tích động thái thay đổi về khối lượng xuất khẩu, kim ngạch và giá cả trong 3 năm vừa qua. Trong phần 4, Báo cáo mô tả thực trạng xuất khẩu dăm thông qua các cảng biển chính của Việt Nam, bao gồm những thay đổi của một số thị trường do tác động của căng thẳng trong mối quan hệ Việt Nam- Trung Quốc gây ra. Phần 5 thảo luận một số vấn đề thị trường và chính sách có liên quan đến sản xuất, chế biến và xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam. Trong phần kết luận (Phần 6) Báo cáo tổng kết một số nét chính về tình hình xuất khẩu dăm giai đoạn 2012-2014 và đưa ra một số kiến nghị về chính sách.

---

<sup>1</sup> Chi tiết của Báo cáo này có thể tải từ địa chỉ: [http://www.forest-trends.org/publication\\_details.php?publicationID=4883](http://www.forest-trends.org/publication_details.php?publicationID=4883)

## 2. MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ XUẤT KHẨU DẪM GỖ NĂM 2012-2014

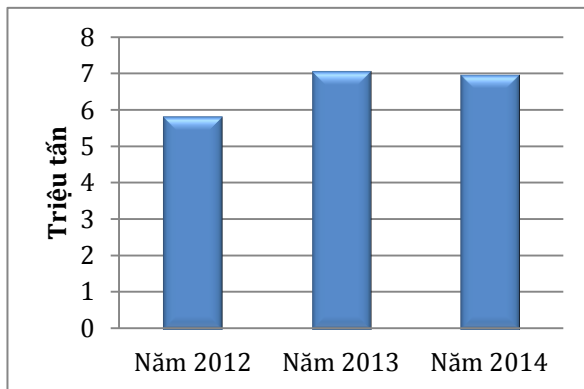
### 2.1. Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu

Năm 2014, Việt Nam xuất khẩu khoảng 6,97 triệu tấn dăm gỗ, đạt 958 triệu USD về kim ngạch, chiếm 15,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của quốc gia trong cùng năm.<sup>2</sup> Tuy nhiên, cả khối lượng và kim ngạch xuất khẩu của năm 2014 đều giảm so với năm 2013. Bảng 1 chỉ ra sự thay đổi về lượng và giá trị kim ngạch dăm xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2012-2014. Biểu đồ 1 và 2 chỉ ra sự thay đổi về lượng và giá trị kim ngạch dăm xuất khẩu trong vòng 3 năm.

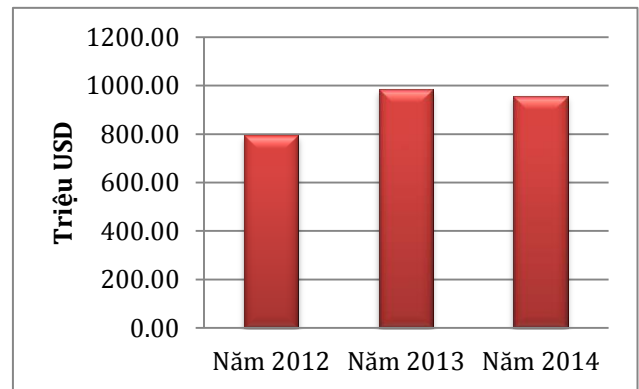
Bảng 1. Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam 2012-2014

Năm	Lượng (tấn khô)	Giá trị (triệu USD)
Năm 2012	5.820.903	796,35
Năm 2013	7.063.461	983,39
Năm 2014	6.971.740	958,04

Biểu đồ 1. Khối lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam 2012-2014



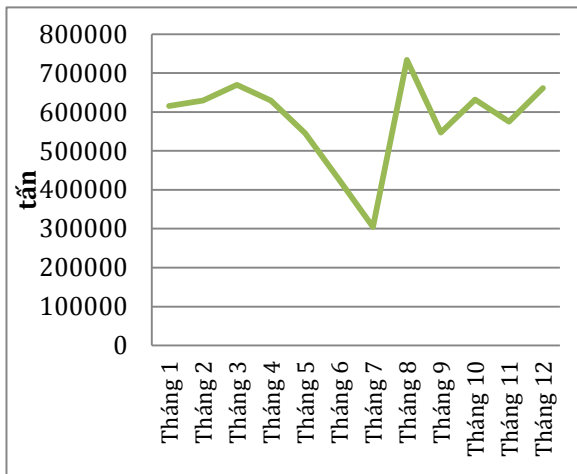
Biểu đồ 2. Giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam 2012-2014



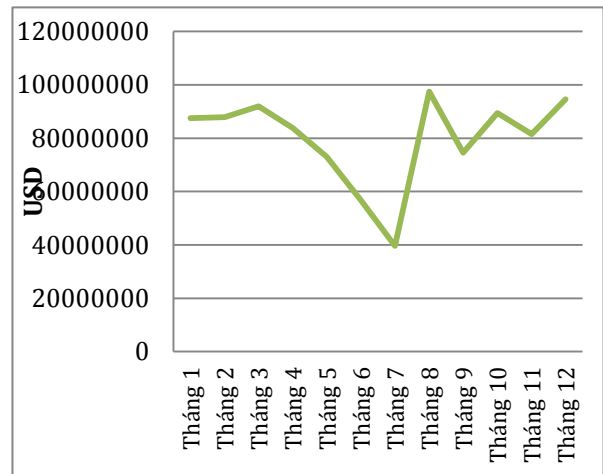
Trung Quốc là thị trường tiêu thụ dăm lớn nhất của Việt Nam (xem phân tích phía dưới). Năm 2014, xuất khẩu dăm của Việt Nam sang thị trường này giảm so với 2013. Nguyên nhân chính là do căng thẳng trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc gây ra bởi sự kiện giàn khoan Hải Dương 981. Cụ thể, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2014, lượng dăm xuất khẩu bình quân của Việt Nam sang Trung Quốc khoảng 610.000 – 670.000 tấn/tháng. Tuy nhiên vào tháng 5, khi sự xảy ra sự kiện giàn khoan HD 981, lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam tụt giảm xuống còn 545.800 tấn, và đến tháng 7 chỉ còn 304.000 tấn. Thay đổi về kim ngạch diễn ra theo xu hướng tương tự: Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2014 giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam vào Trung Quốc khoảng trên 80 triệu USD. Tuy nhiên, kim ngạch đã giảm xuống còn 56 triệu USD trong tháng 6 và chỉ còn chưa đến 40 triệu USD trong tháng 7. Tuy nhiên, khối lượng và giá trị xuất khẩu đã tăng trở lại vào các tháng cuối của năm (Biểu đồ 3 và 4).

<sup>2</sup> Năm 2014 tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt khoảng 6,23 tỉ USD.

Biểu đồ 3. Khối lượng dăm xuất khẩu  
năm 2014



Biểu đồ 4. Kim ngạch dăm xuất khẩu  
năm 2014

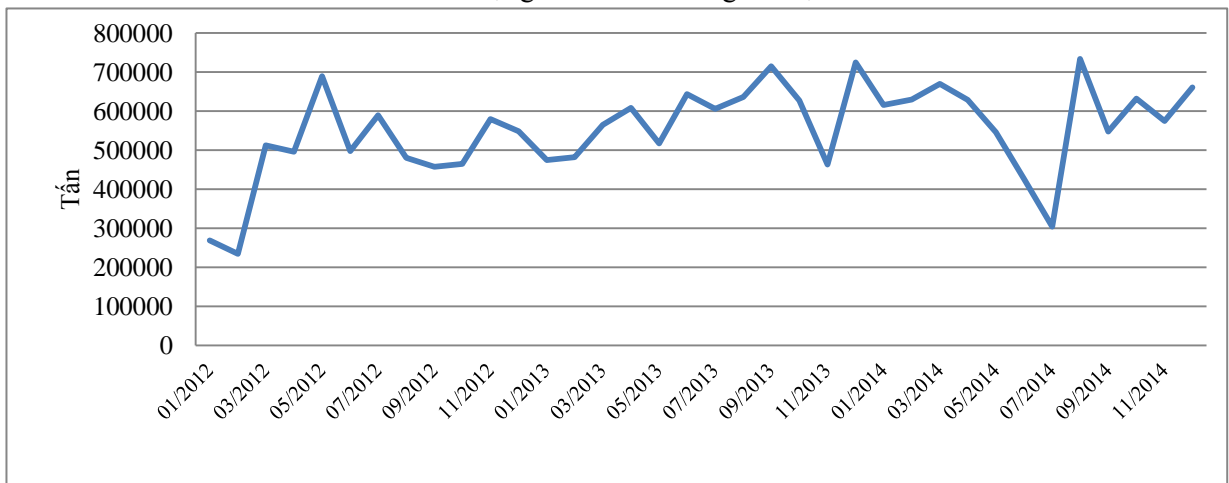


Hiện có tổng số 130 nhà máy chế biến xuất khẩu dăm đang hoạt động trên cả nước, tăng 16% so với con số 112 nhà máy năm 2012. Con số 130 chưa bao gồm các cơ sở sản xuất nhỏ và các doanh nghiệp chế biến không trực tiếp tham gia xuất khẩu bởi không đủ năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn khác. Đến nay đã hình thành một số doanh nghiệp chế biến xuất khẩu dăm quy mô lớn, với doanh thu hàng năm lên tới vài chục triệu USD.

Năm 2013 khối lượng và giá trị xuất khẩu dăm tăng mạnh so với 2012. Cụ thể khối lượng tăng 21%, giá trị kim ngạch tăng 23,5%.

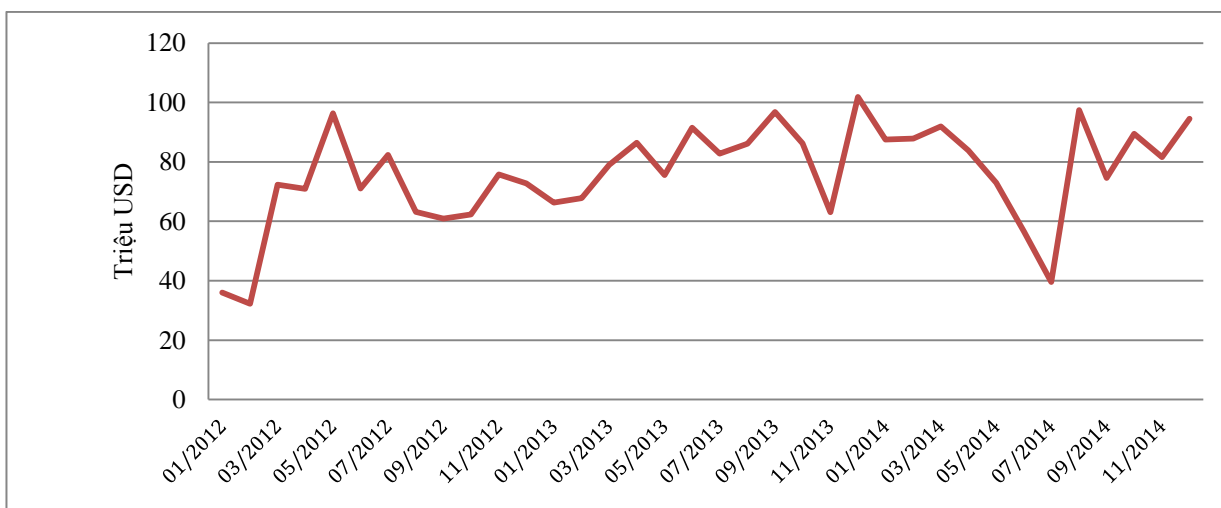
Nhìn chung trong giai đoạn 3 năm (2012-2014) trừ biến động của thị trường do sự kiện dân khoan HD 981 gây ra vào giữa năm 2014, xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam vẫn đang trên đà tăng. Biểu đồ 5 và 6 chỉ ra xu hướng tăng về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu theo tháng.

Biểu đồ 5. Khối lượng dăm xuất khẩu giai đoạn 2012-2014





Biểu đồ 6. Giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm 2012-2014

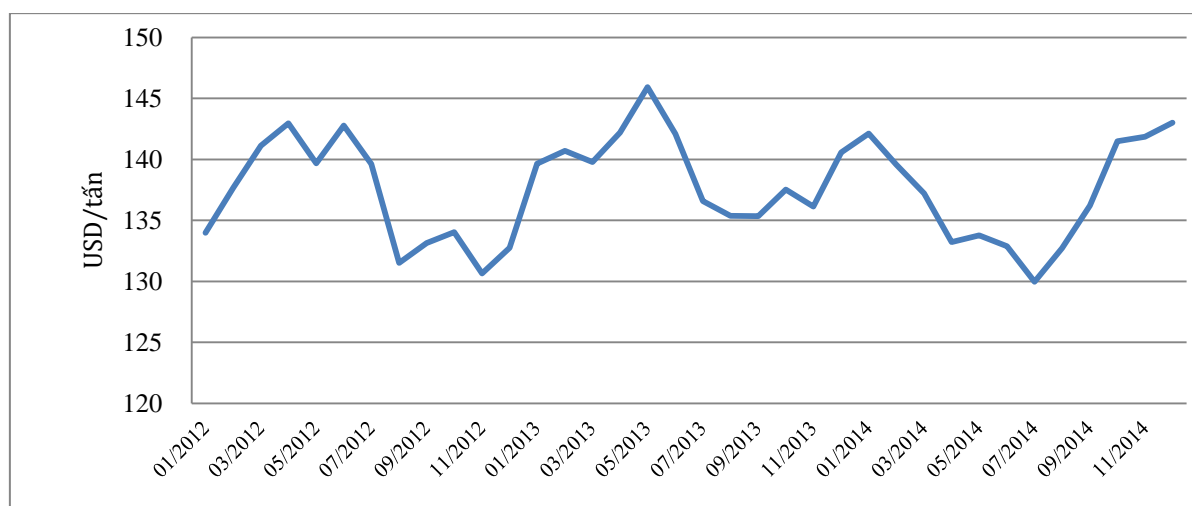


Xu hướng tăng ổn định về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam giai đoạn 2012-2014 cho thấy những khác biệt của ngành dăm với một số ngành khác như xuất khẩu đồ gỗ ngoài trời. Nguyên nhân là bởi ngành dăm không phụ thuộc vào yếu tố mùa vụ.

## 2.2. Giá dăm xuất khẩu

Trong giai đoạn 2012-2014 giá xuất khẩu dăm gỗ bình quân của Việt Nam dao động trong khoảng từ 130-145 USD/tấn theo mức giá FOB (giao hàng qua mạn tàu). Mức giá cao đạt đỉnh điểm vào khoảng tháng 3-4 năm 2013 và thấp nhất vào tháng 7 năm 2014, ngay sau sự kiện dãn khoan HD 981 diễn ra. Biểu đồ 7 chỉ ra sự biến động về giá xuất khẩu giai đoạn 2012-2014 theo các tháng trong năm.

Biểu đồ 5. Giá dăm xuất khẩu năm 2012-2014



## 3. CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHÍNH

### 3.1. Khối lượng dăm gỗ xuất khẩu

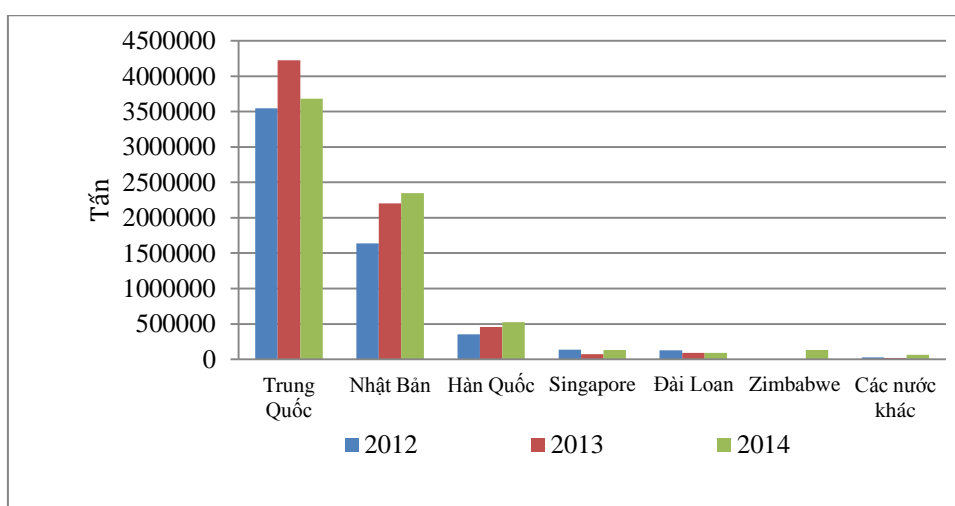
Việt Nam xuất khẩu dăm gỗ chủ yếu sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan. Bảng 2 chỉ ra khối lượng xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam được phân theo các thị trường chính trong giai đoạn 2012-2014. Năm 2014, khối lượng dăm gỗ Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore chiếm gần 97% trong tổng khối lượng dăm xuất khẩu, tương đương với lượng xuất khẩu của năm 2012 sang 4 thị trường này.

Bảng 2. Khối lượng dăm xuất khẩu theo các thị trường năm 2012-2014

Quốc gia nhập khẩu	Lượng xuất năm 2012 (tấn)	Lượng xuất năm 2013 (tấn)	Lượng xuất năm 2014 (tấn)
Trung Quốc	3.544.283	4.223.510	3.680.632
Nhật Bản	1.637.251	2.202.691	2.348.872
Hàn Quốc	350.982	455.997	525.254
Singapore	136.914	71.519	129.629
Đài Loan	125.818	90.700	89.106
Zimbabwe	0	0	133.130
Các nước khác	25.655	19.044	65.134
Tổng	5.820.903	7.063.461	6.971.759

Xu hướng thay đổi về lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam theo các thị trường khác nhau được thể hiện qua biểu 6.

Biểu 6. Xu hướng thay đổi khối lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam 2012-2014



Trừ thị trường Trung Quốc lượng dăm gỗ xuất khẩu của Việt Nam vào các thị trường khác vẫn tiếp tục tăng. Điều này có nghĩa rằng nếu không có sự thay đổi về chính sách có liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam và nhập khẩu ở các quốc gia tiêu thụ, xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam có thể sẽ tiếp tục được mở rộng trong tương lai.

### 3.2. Kim ngạch xuất khẩu dăm

Tương tự với xu hướng thay đổi về khối lượng dăm xuất khẩu, trừ thị trường Trung Quốc do có biến động trong mối quan hệ giữa 2 quốc gia, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam giai đoạn 2012-2014 từ các thị trường chính tăng.

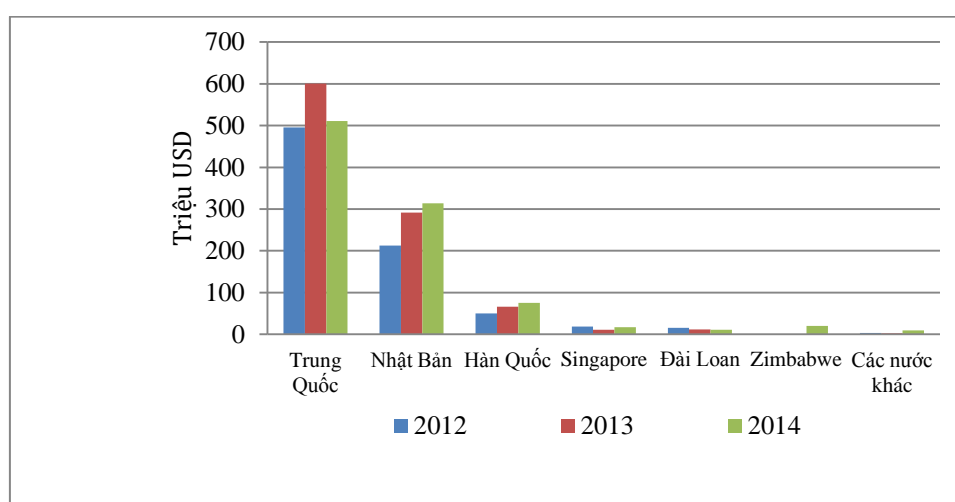
Mặc dù trải qua biến động, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu dăm lớn nhất của Việt Nam. Bình quân, kim ngạch xuất khẩu dăm mà Việt Nam đạt được từ thị trường này chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam. Đứng sau Trung Quốc là thị trường Nhật Bản, với tỉ trọng kim ngạch chiếm khoảng 30% trong tổng kim ngạch; tiếp đó là các thị trường Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan.

Kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam đạt được từ 4 thị trường lớn nhất chiếm trên 95% trong tổng kim ngạch xuất khẩu dăm. Bảng 3 thể hiện giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ được chia theo các thị trường khác nhau trong giai đoạn 2012-2014. Biểu 7 thể hiện xu thế thay đổi kim ngạch của các thị trường trong 3 năm vừa qua.

Bảng 3. Kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam 2012-2014

	Kim ngạch năm 2012 (USD)	Kim ngạch năm 2013 (USD)	Kim ngạch năm 2014 (USD)
Trung Quốc	495.162.035	600.541.461	510.844.618
Nhật Bản	212.614.950	291.227.360	313.679.429
Hàn Quốc	50.413.293	66.478.547	75.337.150
Singapore	18.899.837	11.101.839	17.467.200
Đài Loan	15.881.040	11.567.500	10.975.868
Zimbabwe	0	0	20.520.440
Các nước khác	3.380.347	2.473.537	9.219.903
Tổng	796.351.503	983.390.245	958.044.609

Biểu 7. Xu hướng thay đổi kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam 2012-2014



### 3.3. Các thị trường xuất khẩu chính

**Trung Quốc:** Là thị trường tiêu thụ dăm gỗ lớn nhất của Việt Nam. Lượng dăm gỗ Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm trên 60% trong tổng lượng dăm xuất khẩu hàng năm của Việt Nam. Năm 2013 Việt Nam xuất khẩu trên 4,2 triệu tấn dăm sang Trung Quốc, tăng 20% so với con số 3,5 triệu tấn của năm 2012. Tuy năm 2014 lượng xuất khẩu có sụt giảm, khối lượng dăm xuất khẩu vào Trung Quốc năm 2014 vẫn ở mức rất cao (3,68 triệu tấn). Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam đạt được từ thị trường này cao kỷ lục, đạt trên 600 triệu USD, tăng 21% so với kim ngạch của năm 2012. Mặc dù kim ngạch của năm 2014 từ thị trường này có sự sụt giảm (giảm 15% so với kim ngạch của năm 2013), xu thế về giá dăm gỗ xuất khẩu cho của Việt Nam (Biểu 5) cho thấy lượng sụt giảm chỉ xảy ra trong ngắn hạn và không phản ánh xu hướng sụt giảm trong tương lai. Điều này có nghĩa rằng trong tương lai nếu chính sách liên quan đến xuất nhập khẩu của Việt Nam và Trung Quốc không có sự thay đổi và nếu không có sự biến động trong mối quan hệ của 2 quốc gia thì xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ tiếp tục được mở rộng. **Nhật Bản:** Là thị trường lớn thứ 2 sau Trung Quốc, tiêu thụ trên 2,3 triệu tấn dăm của Việt Nam năm 2014, tăng 4,5% so với lượng của năm 2013, và tăng 43,7% so với con số 1,63 tấn của năm 2012. Năm 2014 Việt Nam đã thu được trên 313 triệu USD về kim ngạch xuất khẩu dăm từ thị trường Nhật Bản, cao hơn nhiều so với con số 212,6 triệu USD của năm 2012. Khác với thị trường Trung Quốc, thị trường Nhật Bản có tính ổn định rất cao và hiện vẫn đang có xu hướng mở rộng.

**Hàn Quốc:** Là thị trường lớn thứ 3 về cho mặt hàng dăm gỗ của Việt Nam. Tương tự đối với thị trường Nhật Bản, thị trường Hàn Quốc có tốc độ tăng trưởng về khối lượng nhập khẩu dăm gỗ từ Việt Nam khoảng 3% trong giai đoạn 2012 – 2014. Tuy nhiên, so với thị trường Trung Quốc và Nhật Bản thị

trường Hàn Quốc nhỏ hơn rất nhiều, hàng năm chỉ chiếm khoảng 6-8% trong tổng lượng dăm mà Việt Nam xuất khẩu.

**Singapore:** Là thị trường lớn thứ 4 của Việt Nam. Năm 2013, lượng dăm của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chỉ ở mức 71,5 triệu tấn, giảm trên 50% so với con số gần 137.000 tấn của năm 2012. Tuy nhiên, lượng dăm xuất khẩu vào thị trường này trong năm 2014 đã tăng trở lại, đạt con số 129.600 tấn, gần tương đương với lượng xuất khẩu của năm 2012.

Kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam sang Singapore năm 2013 có sự suy giảm so với con số của năm 2012. Tuy nhiên kim ngạch của năm 2014 đã tăng trở lại, gần bằng với giá trị kim ngạch năm 2012.

Singapore không phải là quốc gia cuối cùng tiêu thụ sản phẩm dăm của Việt Nam mà chỉ là quốc gia trung chuyên.

**Đài loan:** Đứng sau Singopre trong bảng xếp hạng về thị trường. Năm 2013, lượng dăm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này là 90.700 tấn, giảm 27,9% so với con số 125.818 tấn của năm 2012. Khác với thị trường Singapore, lượng dăm nhập khẩu vào Đài Loan năm 2014 không tăng. Điều này cho thấy độ chững lại về thị trường tiêu thụ dăm gỗ của Việt Nam tại thị trường này.

**Zimbabwe:** Là một thị trường mới nổi đối với mặt hàng dăm của Việt Nam. Trước năm 2014 Việt Nam chưa xuất khẩu dăm gỗ sang thị trường này. Tuy nhiên, lượng dăm gỗ của Việt Nam nhập khẩu vào thị trường này tăng vọt lên con số 133.130 tấn của năm 2014, cao hơn nhiều so với lượng dăm mà Việt Nam xuất khẩu sang Đài Loan là thị trường truyền thống của Việt Nam. Hiện thông tin về thị trường Zimbabwe chưa đầy đủ. Tuy nhiên một số đánh giá ban đầu được đưa ra là do có sự thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào của một số nhà máy sản xuất giấy của Trung Quốc đặt tại Zimbabwe, các nhà máy này bắt buộc phải nhập dăm từ Việt Nam.<sup>3</sup>

## 4. CÁC CẢNG XUẤT KHẨU DĂM GỖ CHÍNH

Các cảng biển nhất là các cảng biển nước sâu nơi cho phép các tàu có trọng tải lớn vào lấy hàng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của ngành dăm của Việt Nam. Trong những năm qua sự phát triển của ngành dăm đã góp phần tạo động lực cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ cho một số cảng biển của Việt Nam. Xuất khẩu dăm gỗ giúp nâng tải trọng cầu cảng, nạo vét luồng, cho phép tàu có tải trọng lớn cập cảng, góp phần đẩy nhanh tốc độ chế biến và xuất khẩu. Hệ thống cảng biển phát triển giúp tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy giảm giá cước vận tải, tăng giá bán hàng và tăng tần suất khai thác các dịch vụ tổng hợp đi kèm.

### 4.1. Khối lượng dăm xuất khẩu qua các cảng biển

Bảng 4 liệt kê một số cảng biển quan trọng, hầu hết nằm ở miền Trung, được sử dụng cho xuất khẩu dăm trong những năm vừa qua.

---

<sup>3</sup> Thông tin về nhà máy sản xuất giấy của Trung Quốc đặt tại Zimbabwe có thể tìm thấy tại địa chỉ: <http://china.aiddata.org/projects/19884>

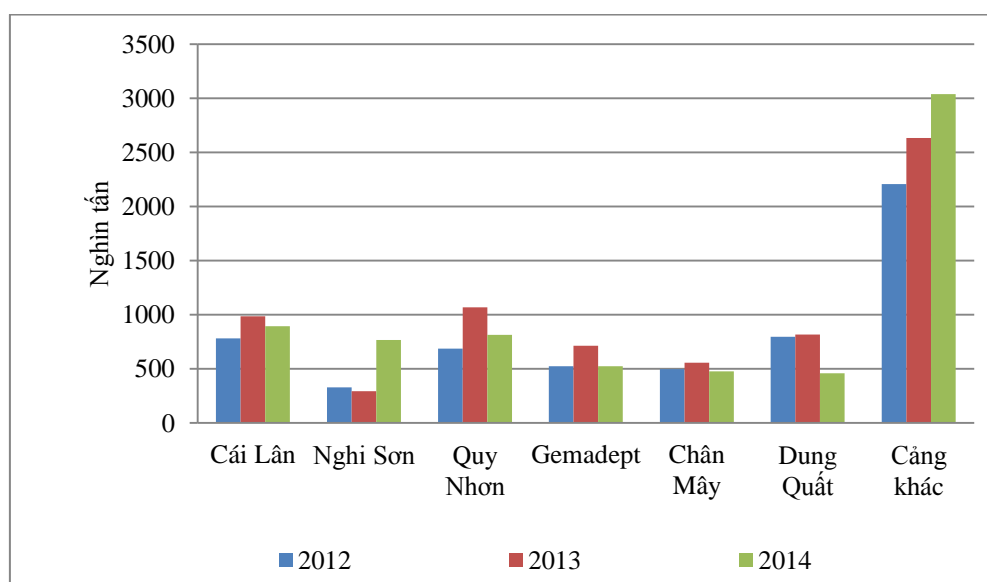
Bảng 4. Lượng dăm xuất khẩu qua các cảng chính năm 2012-2014

Cảng xuất khẩu	Lượng xuất năm 2012 (tấn)	Lượng xuất năm 2013 (tấn)	Lượng xuất năm 2014 (tấn)
Cái Lân	781.491	984.860	895.279
Nghi Sơn	328.450	293.183	766.050
Quy Nhơn	687.816	1.068.950	813.160
Gemadep	525.236	712.545	523.871
Chân Mây	496.797	557.200	477.238
Dung Quất	795.120	815.854	459.000
Cảng khác	2.205.993	2.630.870	3.037.160
Tổng	5.820.903	7.063.461	6.971.759

Lượng dăm gỗ được xuất khẩu thông qua 6 cảng chính (Bảng 4) chiếm trên 50% tổng lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài cảng Cái Lân, các cảng chính còn lại đều nằm ở khu vực miền Trung. Hàng tháng, lượng dăm xuất khẩu qua mỗi cảng khoảng từ 30.000-70.000 tấn. Lượng xuất khẩu qua các cảng này lớn đã phần nào phản ánh mối kết nối thuận lợi giữa vị trí của các cảng và vùng nguyên liệu dăm, cụ thể là các khu vực rừng trồng của hộ gia đình ở vùng Đông Bắc (diện tích rừng trồng trên 1 triệu ha), Bắc Trung Bộ (trên 700.000 ha), Nam Trung Bộ (trên 500.000 ha).<sup>4</sup>

Năm 2014, Nghi Sơn trở thành một trong những cảng quan trọng, với lượng dăm xuất qua cảng này tăng đột biến, từ con số khoảng 293.000 tấn năm 2013 lên trên 766.000 tấn năm 2014. Trừ cảng Nghi Sơn, khối lượng dăm xuất khẩu qua các cảng còn lại năm 2014 đều bị giảm so với lượng xuất khẩu năm 2013. Biểu đồ 8 thể hiện sự thay đổi về lượng dăm xuất khẩu qua các cảng chính trong giai đoạn 2012-2014.

Biểu đồ 8. Khối lượng dăm gỗ xuất khẩu qua các cảng chính năm 2012-2014

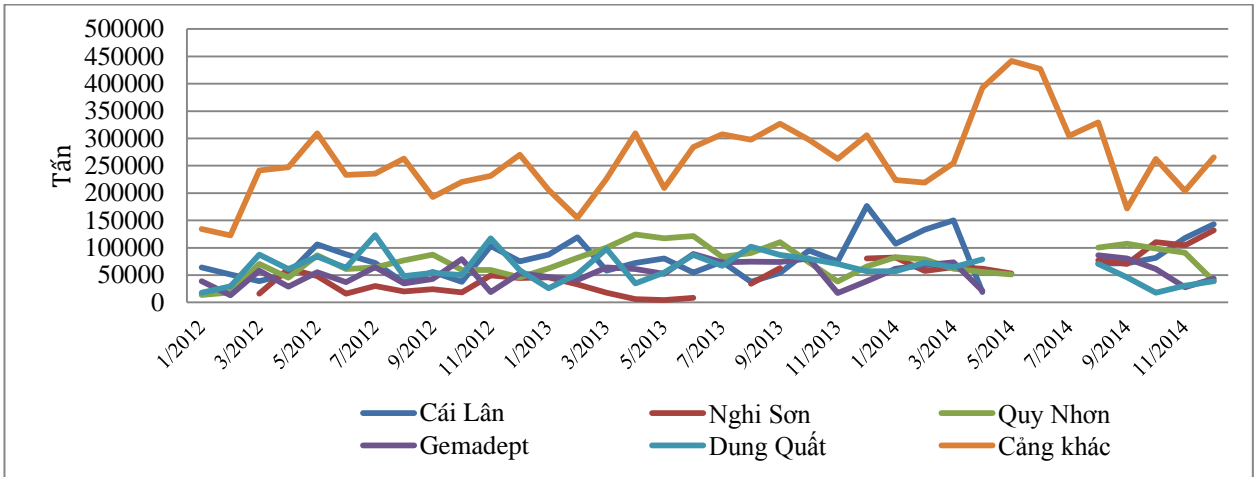


Biểu đồ 9 chỉ ra sự thay đổi của lượng dăm gỗ xuất khẩu thông qua các cảng chính đề cập trong Bảng 4. Các doanh nghiệp xuất khẩu dăm của Việt Nam chủ yếu bán hàng theo điều kiện giao hàng qua mạn tàu (FOB). Biểu đồ 9, cho thấy sự đứt đoạn về lượng dăm xuất khẩu qua các cảng chính từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014. Đây là giai đoạn căng thẳng trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Mặc dù vậy, đứt đoạn tại các cảng biển chính được thay thế bằng các cảng khác. Ngoài ra, các doanh nghiệp tiến hành thay đổi phương thức bán hàng theo phương thức giao hàng tại các cảng nhập khẩu (CIF) với

<sup>4</sup>Quyết định 3322 /QĐ-BNN-TCLN ngày 28/ 7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố hiện trạng rừng Việt Nam năm 2013.

đội tàu chuyên chở của nước ngoài nhằm giảm rủi ro.<sup>5</sup> Kết quả là lượng dăm xuất khẩu qua các cảng khác của Việt Nam tăng (Biểu đồ 9).

Biểu đồ 9: Lượng dăm xuất khẩu hàng tháng qua các cảng lớn năm 2012 – 2014



#### 4.2. Kim ngạch xuất khẩu dăm qua các cảng biển

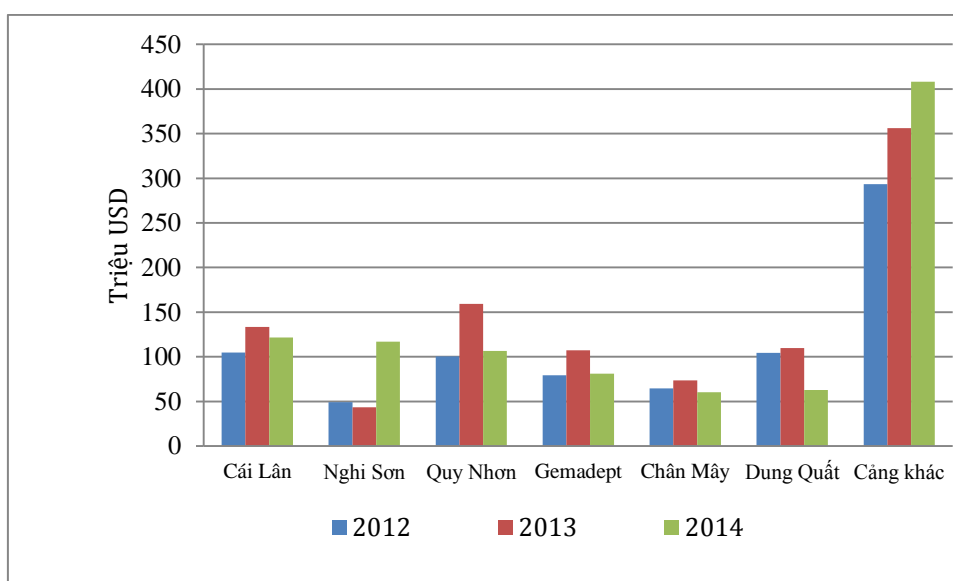
Kim ngạch xuất khẩu dăm tại một số cảng biển chính của Việt Nam rất lớn, khoảng 60-120 triệu USD/năm. Trong số các cảng lớn, cảng Cái Lân có kim ngạch năm 2014 đạt cao nhất. Cảng Nghi Sơn đang vươn lên cạnh tranh với cảng Cái Lân, với lượng kim ngạch xuất khẩu chỉ đứng sau cảng Cái Lân, xếp thứ 2 về kim ngạch trong các cảng lớn. Năm 2014 kim ngạch xuất khẩu dăm của cảng Nghi Sơn cao hơn gần 2,7 lần kim ngạch của cảng này năm 2013. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu dăm của cảng Quy Nhơn tụt giảm nghiêm trọng, xuống còn khoảng 106 triệu USD năm 2014, từ con số gần 160 triệu USD năm 2013. Bảng 5 chỉ ra kim ngạch xuất khẩu dăm qua một số cảng biển chính. Biểu đồ 10 chỉ ra sự thay đổi về giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm của Việt Nam qua các cảng biển chính trong giai đoạn 2012-2014.

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu dăm gỗ qua các cảng chính 2012-2014 (USD)

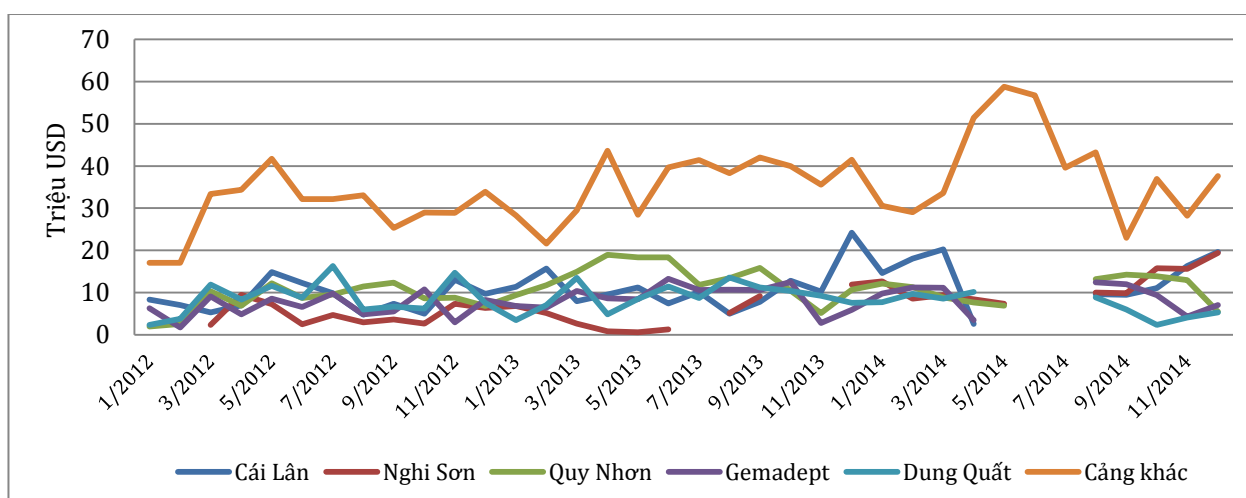
Cảng xuất khẩu	Giá trị năm 2012 (USD)	Giá trị năm 2013 (USD)	Giá trị năm 2014 (USD)
Cái Lân	104.676.097	133.610.764	121.750.328
Nghi Sơn	49.338.600	43.580.619	117.146.717
Quy Nhơn	100.424.002	159.392.100	106.580.650
Gemadept	79.403.561	107.203.083	80.960.646
Chân Mây	64.706.955	73.677.550	60.461.690
Dung Quất	104.435.329	109.658.666	62.907.020
Cảng khác	293.366.959	356.267.463	408.239.072
Tổng	796.351.503	983.390.245	958.046.122

<sup>5</sup> Bên cạnh các cảng biển của Việt Nam, dăm gỗ từ Việt Nam còn được xuất khẩu qua 21 cảng Quốc tế khác ở nước ngoài.

Biểu đồ 10. Giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm tại các cảng lớn năm 2012 - 2014



Thay đổi về kim ngạch xuất khẩu dăm từ các cảng biển chính (Biểu 11) cho thấy xu thế tương đối ổn định trong xuất khẩu trong giai đoạn 2012-2014. Biến động trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc gây ra biến động lớn về lượng dăm xuất khẩu qua các cảng chính. Tuy nhiên, sự xuất hiện các cảng thay thế và thay đổi hình thức bán hàng từ FOB sang CIF cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu dăm của Việt Nam đã phản ứng nhanh và hiệu quả với các biến động của thị trường. Biểu đồ 11. Giá trị kim ngạch xuất khẩu dăm hàng tháng qua các cảng lớn năm 2012 - 2014



Phần 5 dưới đây sẽ thảo luận một số vấn đề liên quan đến thị trường và chính sách về sản xuất, chế biến và xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam hiện tại và trong tương lai.

## 5. MỘT SỐ THẢO LUẬN

### 5.1. Một số khía cạnh về thị trường

Mặc dù căng thẳng trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã làm suy giảm lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, nhìn về tổng thể trong giai đoạn 2012-2014 lượng dăm xuất khẩu của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng cả về số lượng và kim ngạch. Điều này ít nhất phản ánh 2 khía cạnh quan trọng của ngành dăm hiện nay. Thứ nhất, nhu cầu tiêu thụ dăm trên thế giới, bao gồm các thị trường lớn tại Châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc vẫn đang tiếp tục tăng. Đây là tín hiệu

tích cực cho ngành sản xuất, chế biến và xuất khẩu dăm trong nước. Thứ hai, các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chế biến và xuất khẩu dăm phản ứng rất nhanh nhạy với các biến động của thị trường. Cụ thể, thị trường xuất khẩu dăm của Việt Nam có thể có những biến cố, tuy nhiên các doanh nghiệp của Việt Nam vẫn tìm thấy đầu ra cho sản phẩm của mình. Mặc dù vậy, sự lệ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc vẫn là những rủi ro tiềm ẩn cho nhiều doanh nghiệp, bởi mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể xuất hiện những biến động lớn trong tương lai.

Thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc luôn mở rộng ổn định trong giai đoạn 2012-2014. Điều này cho thấy tiềm năng lâu dài trong việc duy trì và phát triển các thị trường này trong tương lai. Tuy nhiên, do những đòi hỏi chặt chẽ về chất lượng cũng như tính pháp lý của sản phẩm một số doanh nghiệp của Việt Nam không mặn mà với các thị trường này và quyết định tham gia vào các thị trường dễ tính hơn, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Quyết định này có thể đem lại lợi ích về kinh tế nhanh chóng cho doanh nghiệp, nhưng điều này làm doanh nghiệp mất đi cơ hội về thị trường quan trọng và ổn định về lâu dài trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh thị trường Trung Quốc còn tiềm ẩn những biến động lớn.

Zimbabwe trở thành thị trường mới cho dăm gỗ của Việt Nam, với lượng dăm gỗ xuất khẩu vào quốc gia này trong năm 2014 tăng đột biến. Hiện chưa có thông tin về sự bền vững của thị trường này, tuy nhiên đây là lần đầu tiên dăm gỗ của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Châu Phi. Sự hiện diện của các nhà máy sản xuất giấy do Trung Quốc đầu tư tại lục địa đen này trong bối cảnh khan hiếm về nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào do những gia tăng về xung đột đất đai giữa người dân và công ty đã làm cho các công ty này phải tìm kiếm nguồn nguyên liệu từ Châu Á, trong đó có Việt Nam. Đến nay, các xung đột đất đai tại Châu Phi chưa được giải quyết. Trong tương lai, có thể lượng dăm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Châu Phi sẽ tiếp tục được mở rộng.

## **5.2. Cạnh tranh trong ngành dăm và với các ngành khác có liên quan**

Ngành chế biến và xuất khẩu dăm hiện tại vẫn đang ở trong giai đoạn phát triển nóng, do số lượng các nhà máy chế biến vẫn tiếp tục tăng và chưa có sự gắn kết giữa vị trí của các nhà máy chế biến và vùng nguyên liệu cho dăm. Điều này dẫn đến việc cạnh tranh giữa các nhà máy chế về nguồn cung nguyên liệu. Cạnh tranh về nguyên liệu tạo động lực làm tăng giá nguyên liệu đầu vào, tạo lợi thế về giá cho người trồng rừng. Tuy nhiên thiếu hụt nguyên liệu đầu vào làm giảm hiệu suất đầu tư của các nhà máy và hình thành các hình thức cạnh tranh không lành mạnh. Điều này thể hiện tính bất ổn trong khâu chế biến. Để nâng cao hiệu quả đầu tư và đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các nhà máy đòi hỏi công tác quy hoạch các nhà máy dăm gắn với vùng nguyên liệu cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận chuyển, chế biến và tiêu thụ phải được thực hiện hợp lý. Để làm được điều này cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý cấp trung ương và địa phương, cũng như phối hợp giữa cơ quan quản lý và các Hiệp hội đại diện cho các nhà máy dăm.

Cạnh tranh nguồn nguyên liệu không chỉ tồn tại giữa các nhà máy dăm mà còn là giữa ngành dăm và ngành chế biến gỗ. Sự phát triển nhanh chóng của ngành dăm trong những năm gần đây trong bối cảnh ngành chế biến gỗ thiếu nguyên liệu đầu vào và phải lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu đã làm xuất hiện những tranh luận gay gắt giữa 2 ngành này về những ưu tiên trong phát triển của 2 ngành cũng như các chính sách của chính phủ trong việc thực hiện các ưu tiên đó. Các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ cho rằng sự phát triển của ngành dăm tạo ra sự thiếu hụt nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến, và do lợi ích về mặt kinh tế và xã hội mà ngành chế biến gỗ đem lại cao hơn so với ngành dăm, do vậy ưu tiên nên được dành cho ngành chế biến gỗ. Với lý luận này, ngành chế biến kiến nghị chính sách nên đi theo hướng hạn chế sự phát triển của ngành dăm. Thêm vào đó, ngành chế biến gỗ cũng cho rằng xuất khẩu dăm thực chất là hình thức xuất khẩu nguyên liệu thô, không tạo được giá trị gia tăng trong sản phẩm, và điều này cần hạn chế. Theo ngành chế biến gỗ, hạn chế sự phát triển của ngành dăm có thể thực hiện được thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ trước đây do có khó khăn về thị trường, hoặc/và lợi nhuận trước mắt đã chuyển qua làm dăm nên quay lại chế biến tinh để khai thác thị trường đang mở rộng. Mặt khác, cần có chính sách và cơ chế khuyến khích các



doanh nghiệp sản xuất dăm đầu tư các khâu chế biến sâu như ván ghép, MDF nhằm tạo điều kiện cho các hộ trồng rừng tham gia vào chuỗi cung, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm và lợi ích kinh tế cao hơn cho người trồng rừng.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu dăm thì cho rằng hiện vẫn còn thiếu các nhân tố thúc đẩy sản xuất rừng trồng gỗ lớn (xem thêm trong phần 5.3 phía dưới), và do vậy nguyên liệu tạo ra từ rừng trồng vẫn là gỗ nhỏ, chỉ phù hợp làm nguyên liệu cho ngành dăm mà không đủ tiêu chuẩn gỗ lớn để làm nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ. Ngành dăm còn tin rằng việc phát triển của ngành dăm đã và đang tạo động lực to lớn cho việc mở rộng nhanh chóng diện tích rừng trồng, đặc biệt phần diện tích rừng của các hộ. Theo ngành dăm, phát triển sản xuất và xuất khẩu dăm đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội các vùng nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa và đã góp phần xóa đói giảm nghèo thông qua việc tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Với lập luận như vậy, các doanh nghiệp dăm cho rằng họ hoàn toàn không cạnh tranh về nguồn nguyên liệu với ngành chế biến gỗ. Bên cạnh đó, ngành dăm cho rằng thiếu hụt gỗ lớn có nguồn gốc từ rừng trồng không phải do sự phát triển của ngành dăm mà do các yếu tố khác cản trở sự đầu tư của hộ trồng rừng. Theo quan điểm của ngành dăm, kim ngạch xuất khẩu của ngành dăm hiện đạt con số gần 1 tỉ USD/năm, hoàn toàn không nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của quốc gia (6,23 tỉ USD năm 2014). Điều này cho thấy vị thế quan trọng của ngành dăm trong ngành chế biến gỗ xuất khẩu của quốc gia. Bên cạnh đó, ngành dăm cũng cho rằng lượng lao động tham gia vào ngành, đặc biệt là số lượng hộ gia đình đóng vai trò cung nguyên liệu cho ngành dăm (xem phần 5.3) là không nhỏ, và bởi vậy ngành dăm cũng tạo được ý nghĩa quan trọng về mặt xã hội.

### 5.3. Nguồn cung gỗ rừng trồng và vai trò của hộ gia đình

Việc xác định dành ưu tiên cho ngành chế biến gỗ hay ngành dăm đòi hỏi phải có những nghiên cứu sát thực về thực trạng của nguồn cung nguyên liệu hiện tại cho cả 2 ngành và các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn cung này. Đến nay, hầu hết nguyên liệu của ngành dăm có nguồn gốc từ rừng trồng trong nước (Trần Lê Huy và Tô Xuân Phúc 2013), với khoảng gần 50% trong số này có nguồn gốc từ rừng trồng của hộ gia đình; phần trên 50% còn lại là từ các doanh nghiệp trồng và một số hợp tác xã.

Trong những năm gần đây mặc dù đã có rất nhiều thảo luận về việc làm thế nào để thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn nhằm tạo nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ, đến nay 70-80% tổng lượng gỗ khai thác từ rừng trồng vẫn là gỗ nhỏ và phục vụ cho ngành dăm. Từ góc độ hộ gia đình, trồng rừng làm nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến có tiềm năng đem lại lợi ích cao hơn cho hộ.<sup>6</sup>

Tuy nhiên, nhiều hộ gia đình không có đủ các điều kiện cần thiết để trồng rừng gỗ lớn. Cụ thể, hộ không tiếp cận được với nguồn tín dụng cần thiết nhằm kéo dài thời gian các diện tích rừng trồng của mình trong khi đó lại không có đủ tiềm lực kinh tế để tự đầu tư. Ngoài ra, gỗ rừng trồng còn là nguồn thu quan trọng và duy nhất của hộ. Trong bối cảnh hạn chế về nguồn thu, hộ luôn chịu sức ép để khai thác rừng sớm để trang trải những khoản chi tiêu bằng tiền mặt của mình.

---

<sup>6</sup>Lợi ích kinh tế của việc trồng rừng gỗ lớn tạo nguyên liệu cho ngành chế biến đã được thể hiện qua một số mô hình tại Thanh Hóa (<http://baothanhhoa.vn/vn/kinh-te/n133418/Hieu-qua-buoc-dau-tu-mo-hinh-kinh-doanh-trong-rung-go-lon-o-huyen-Nhu-Thanh>) và ở một số địa phương khác (xem thêm thông tin tại website: <http://tongcuclamngiep.gov.vn/tin-dia-phuong/rung-go-lon-mo-hinh-loi-ich-kep-a2284> hoặc <http://www.baotuyenquang.com.vn/kinh-te/nong-lam-nghiep/trong-rung-kinh-doanh-go-lon-nang-cao-gia-tri-rung-trong-45569.html>)

Một số nguồn thông tin còn cho rằng chất lượng gỗ rừng trồng hiện nay không cao. Thực tế, cây có đường kính trên 15 cm ít mắt sống, mắt chết, giác mỏng có độ thon đều có thể sử dụng để sản xuất đồ gỗ chỉ chiếm khoảng 10%. Như vậy 90% lượng gỗ rừng trồng khai thác chỉ để sản xuất dăm, bột giấy, MDF, gỗ dán. Thông tin chi tiết xem tại Công văn số 28/HHG-VP của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, góp ý về phương án quản lý sản xuất và xuất khẩu dăm mảnh, ngày 16 tháng 6 năm 2015.

Những khó khăn trong trồng rừng gỗ lớn đã và đang tạo cơ hội về nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến dăm.<sup>7</sup> Các khó khăn này bao gồm việc thiếu nguồn giống tốt, rủi ro do thiên tai trong việc kéo dài chu kỳ của rừng trồng, hạn chế về nguồn lực tài chính cho đầu tư. Với những khó khăn như vậy, nhiều hộ gia đình lựa chọn phương án khai thác rừng làm nguyên liệu dăm gỗ, thay vì kéo dài tuổi đời của cây để tạo rừng gỗ lớn, tạo nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ.

Đến nay, một số hộ gia đình có tiềm lực kinh tế đã thực hiện đầu tư trồng rừng gỗ lớn, nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ. Mạng lưới liên kết giữa một số công ty tham gia chế biến cho công ty IKEA là một trong những ví dụ điển hình của việc hộ trồng rừng tạo nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ. Hình thức nhóm hộ tham gia liên doanh liên kết nhằm tạo các diện tích rừng tương đối lớn, sau đó thực hiện các biện pháp quản lý rừng bền vững nhằm đạt chứng chỉ, từ đó nâng cao giá trị cho sản phẩm gỗ cũng đã xuất hiện ở một số địa phương. Tuy nhiên cho đến nay, số lượng hộ đầu tư trồng rừng gỗ lớn và đặc biệt số hộ tham gia phương án quản lý rừng bền vững nhằm có gỗ đạt chứng chỉ vẫn còn nhỏ. Điều này thể hiện các khó khăn nội tại của các hộ trồng rừng cũng như thiếu vắng các cơ chế hỗ trợ hiệu quả từ bên ngoài như chính sách, tín dụng, hệ thống khuyến nông, tiếp cận thị trường đối với hộ như đã đề cập ở trên.

Khoảng 50% lượng cung dăm gỗ hiện nay có nguồn gốc từ các hộ trồng rừng, và 50% còn lại là từ các công ty lâm nghiệp, các hợp tác xã, công ty tư nhân. Các khó khăn về tiếp cận nguồn tín dụng, cây giống tốt, tiềm lực tài chính đầu tư trồng rừng và rủi ro do thiên tai làm giảm động lực của hộ trong đầu tư trồng rừng gỗ lớn. Tuy nhiên, liệu đây có phải là các khó khăn đối với các công ty lâm nghiệp hiện đang cung cấp nguyên liệu cho ngành dăm? Cho đến nay chúng ta vẫn còn thiếu thông tin về việc tại sao các công ty lâm nghiệp, bao gồm cả một số công ty có tiềm lực về tài chính có thể thực hiện đầu tư sản xuất trồng rừng gỗ lớn mà vẫn quyết định trồng rừng tạo nguyên liệu cho ngành dăm. Thiếu hụt thông tin về các công ty lâm nghiệp đặc biệt các thông tin về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của các công ty trong việc sử dụng nguồn gỗ rừng trồng cho ngành dăm hay ngành chế biến gỗ chỉ ra rằng các tranh luận hiện nay giữa ngành dăm và ngành chế biến gỗ vẫn phản ánh đúng bản chất những gì đang diễn ra trên thực tế.

#### 5.4. Một số khía cạnh về chính sách

Sự phát triển của ngành dăm đã và đang tạo ra những thông tin trái chiều giữa các ngành, và điều này tạo ra những khó khăn cho các nhà quản lý trong việc xác định ưu tiên phát triển. Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp của Quốc gia đến 2020 nêu rõ “*giảm dần chế biến dăm giấy xuất khẩu.*” Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp năm 2013 nhấn mạnh “*điều chỉnh cơ cấu sản phẩm gỗ...nhất là các sản phẩm xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng giá trị lâm sản sử dụng nguồn nguyên liệu được gây trồng trong nước.... hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm thô (bao gồm cả dăm gỗ).*” Kế hoạch hành động nâng cao giá trị sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014-2020 đề ra mục tiêu “*duy trì khối lượng dăm xuất khẩu 6 triệu tấn như hiện nay*” và “*đến năm 2020 chế biến dăm xuất khẩu 3 triệu tấn/năm (giảm 3 triệu tấn, tương đương với 50% so với năm 2015, bình quân 10%/năm.*” Gần đây nhất, vào tháng 2 năm 2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra Quyết định phê duyệt kế hoạch triển khai phương án quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014-2020 trong đó nhấn mạnh: “*rà soát, sắp xếp các cơ sở sản xuất dăm gỗ gắn với vùng nguyên liệu nhằm đổi mới nâng cao hiệu quả trong sản xuất dăm.*” Nhằm giảm lượng dăm gỗ sản xuất theo lộ trình đã đề ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiến nghị áp dụng chính sách thuế

---

<sup>7</sup> Năm 2012 Tổng cục Lâm nghiệp phối hợp với VIFORES, Forest Trends và Tổ chức Hợp tác Phát triển Liên Bang Đức (GIZ) có tổ chức tọa đàm chính sách về chủ đề chứng chỉ rừng. Trong tọa đàm, nhiều đại biểu đã nêu ra khó khăn của hộ trồng rừng trong việc phát triển trồng rừng gỗ lớn. Thông tin về tọa đàm có thể tìm thấy tại địa chỉ VIFORES theo đường dẫn <http://vietfores.org/default.asp?tab=detail&z=3&m=17&id=26>. Các ý kiến tổng kết tại buổi tọa đàm được tổng hợp và xuất bản trong Bản tin của Forest Trends. Chi tiết của Bản tin có thể tham khảo tại địa chỉ [http://www.forest-trends.org/documents/files/doc\\_3179.pdf](http://www.forest-trends.org/documents/files/doc_3179.pdf).

theo hướng “*tăng thuế xuất khẩu dăm gỗ và giảm thuế xuất khẩu đối với sản phẩm gỗ tinh chế xuất khẩu*”.

Báo cáo này cho rằng hạn chế sự phát triển của ngành dăm với mục đích tạo giá trị gia tăng cho các sản phẩm gỗ rừng trồng là định hướng hoàn toàn hợp lý, đặc biệt trong bối cảnh ngành chế biến gỗ đang tiếp tục phải lệ thuộc vào nguồn cung nguyên liệu từ nhập khẩu. Hạn chế sự phát triển của ngành dăm nếu tạo được gỗ lớn sẽ tạo cơ hội cho việc gia tăng giá trị của sản phẩm gỗ, từ đó đem lại lợi ích kinh tế cho cả ngành chế biến gỗ và người trồng rừng.

Tuy nhiên câu hỏi quan trọng đặt ra ở đây là chính sách và các công cụ nhằm hạn chế sự phát triển của ngành dăm, bao gồm cả việc áp dụng thuế xuất khẩu dăm, cần phải được thiết kế và thực hiện như thế nào để tránh làm ảnh hưởng tiêu cực đến hàng triệu hộ gia đình đang tham gia trồng rừng hiện nay? Khi nào thì nên áp dụng thuế xuất khẩu dăm và mức thuế nào thì phù hợp? Khi áp dụng mức thuế này, các bên liên quan trong chuỗi cung dăm cũng như các ngành khác hiện đang sử dụng chung nguồn nguyên liệu đầu vào với ngành dăm sẽ ảnh hưởng như thế nào?

Hiện 130 cơ sở chế biến xuất khẩu dăm có liên quan trực tiếp đến ít nhất 50% trong tổng số 1,4 triệu hộ gia đình miền núi hiện đang cung cấp nguyên liệu cho ngành dăm. Nếu Chính phủ áp dụng thuế xuất khẩu dăm gỗ, 130 doanh nghiệp chế biến dăm này sẽ là nhóm đối tượng phải chịu thuế. Tuy nhiên, khi thuế được áp dụng, nhưng thay vì tự mình chịu mức thuế này, các doanh nghiệp xuất khẩu dăm chuyển toàn bộ chi phí có liên quan đến thuế vào giá mua nguyên liệu đầu vào. Kết quả là các hộ gia đình cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy dăm là nhóm đối tượng phải chịu thuế, mà không phải là các doanh nghiệp. Nếu điều này xảy ra, tác động tiêu cực của việc áp dụng thuế xuất khẩu dăm là rất lớn bởi hàng trăm nghìn hộ gia đình miền núi, bao gồm nhiều hộ nghèo hiện cung cấp nguyên liệu cho ngành dăm sẽ phải gánh chịu mức thuế này.

Hạn chế xuất khẩu dăm sẽ đạt được hiệu quả nếu các cơ chế chính sách có liên quan tạo được động lực cho các hộ gia đình đầu tư vào trồng rừng gỗ lớn. Để hộ làm được điều này thì áp dụng chính sách thuế xuất khẩu dăm là chưa đủ. Áp dụng thuế xuất khẩu dăm và thực hiện các công cụ hỗ trợ khác nhằm làm giảm lượng dăm gỗ xuất khẩu xuống còn 3 triệu tấn năm 2020 như đề ra trong Kế hoạch hành động nâng cao giá trị sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014-2020 có nghĩa rằng giá trị xuất khẩu dăm sẽ giảm khoảng gần 500 triệu USD, thay vì mức gần 1 tỉ USD như hiện nay. Vậy khoảng thiếu hụt này sẽ được ngành nào bù đắp, và chi phí để có thể thực hiện được mức sụt giảm này là bao nhiêu? Tác động về xã hội của sự sụt giảm này là thế nào?

Trong bối cảnh hiện nay, để khuyến khích hộ trồng rừng gỗ lớn thì hộ cần được tiếp cận được với nguồn giống cây con tốt, cho phép việc kéo dài chu kỳ của cây mà không bị gãy đổ. Hộ cũng cần phải tiếp cận được với nguồn tín dụng ưu đãi nhằm thực hiện đầu tư cho chu kỳ dài hơn so với chu kỳ nguyên liệu cho dăm. Bên cạnh đó, cần có các cơ chế hiệu quả và an toàn nhằm giảm thiểu rủi ro do thiên tai. Bảo hiểm rừng trồng cho hộ có thể là một trong những cơ chế tiềm năng. Ngoài ra, hộ cũng cần tiếp cận được với thị trường đầu ra cho sản phẩm gỗ của mình. Điều này đòi hỏi vai trò quan trọng của hệ thống thông tin và cơ sở hạ tầng khuyến khích và thúc đẩy việc thông thương các sản phẩm hàng hóa, bao gồm cả gỗ rừng trồng và sự tham gia hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương và bản thân các doanh nghiệp chế biến gỗ. Áp dụng chính sách thuế xuất khẩu dăm trong bối cảnh thiếu vắng các yếu tố làm tiền đề cho việc đầu tư trồng rừng gỗ lớn có thể sẽ làm ách tắc nguồn gỗ rừng trồng hiện nay của hộ. Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh sử dụng gỗ nguyên liệu rừng trồng nên được khuyến khích, với ngành nào mua giá nguyên liệu đầu vào cao, phù hợp và đem lại nhiều lợi ích cho người trồng rừng thì nên được tồn tại và phát triển. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại nên được điều tiết trực tiếp bởi thị trường. Các cơ quan quản lý không nên có những biện pháp hành chính để can thiệp, làm ảnh hưởng đến sự vận hành của thị trường. Các biện pháp can thiệp hành chính nếu không phù hợp sẽ có rủi ro, có thể làm hộ mất động lực đầu tư vào trồng rừng và thậm chí chuyển sang một số loại hình sử dụng đất khác. Điều này có thể gây ra những tác động tiêu cực đến nguồn tài nguyên rừng.

## 6. KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, ngành chế biến và xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam liên tục phát triển. Với khối lượng xuất khẩu khoảng 6,9 triệu tấn và kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1 tỉ USD trong năm 2014, ngành dăm đã và đang khẳng định vị thế quan trọng của mình trong bức tranh tổng thể về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của quốc gia. Mặc dù còn ẩn chứa một số yếu tố không bền vững như phát triển nóng, phát triển không đi kèm với quy hoạch, xu thế gia tăng về khối lượng và kim ngạch xuất khẩu cũng như số lượng các nhà máy chế biến và xuất hiện một số thị trường mới cho thấy ngành dăm vẫn có tiềm năng mở rộng trong tương lai.

Sự tồn tại và phát triển của ngành dăm đang làm xuất hiện những quan điểm trái chiều, đặc biệt giữa ngành dăm và ngành chế biến gỗ bởi 2 ngành này có sử dụng chung nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào từ rừng trồng. Các quan điểm trái chiều này ngày càng trở lên gay gắt, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ ngày càng tăng trong khi hầu hết lượng gỗ rừng trồng trong nước lại được đưa vào chế biến dăm phục vụ xuất khẩu. Điều này làm cho ngành chế biến gỗ tiếp tục phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu.

Đến nay, xuất khẩu dăm gỗ được coi là xuất khẩu nguyên liệu thô và không được khuyến khích bởi các cơ quan quản lý. Chính phủ hiện đang cân nhắc việc áp dụng các chế tài, đặc biệt là thuế xuất khẩu dăm gỗ, nhằm hạn chế lượng dăm xuất khẩu, tạo động cơ hội cho việc phát triển gỗ lớn rừng trồng, tạo nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ. Định hướng của Chính phủ nhằm hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô, khuyến khích xuất khẩu sản phẩm gỗ tinh chế, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, áp dụng thuế xuất khẩu dăm nên được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, đặc biệt là các tác động tiềm tàng của thuế xuất khẩu đối với các hộ gia đình hiện đang tham gia vào chuỗi cung dăm gỗ. Báo cáo này kiến nghị trước khi áp dụng thuế xuất khẩu dăm cần phải có những đánh giá chi tiết và khách quan về thực trạng của ngành dăm, đặc biệt về nguồn cung nguyên liệu và động lực đầu tư sản xuất gỗ rừng trồng của hộ gia đình. Cụ thể, cần có những nghiên cứu nhằm tìm ra những yếu tố nào có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình ra quyết định của các hộ trồng rừng trong việc đầu tư sản xuất nguyên liệu cho ngành dăm hay cho ngành chế biến gỗ. Nghiên cứu cũng cần được tiến hành nhằm tìm hiểu về mối quan hệ tương tác giữa ngành dăm và các ngành khác có sử dụng nguồn gỗ nguyên liệu gỗ rừng trồng. Kết quả của các nghiên cứu này sẽ giúp ích cho quá trình định hình vị thế chính xác của ngành dăm trong mối quan hệ tổng thể của ngành chế biến và xuất khẩu gỗ. Các kết quả này cũng sẽ giúp cho việc hình thành các chính sách được hiệu quả hơn. Điều này giúp giảm thiểu được những rủi ro mà chính sách có thể mang lại đặc biệt là các tác động tiềm tàng đối với hàng triệu hộ gia đình hiện là động lực chính trong việc mở rộng diện tích rừng trồng của Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Huỳnh Văn Hạnh. Thực trạng ngành chế biến gỗ Việt Nam. Bài trình bày tại Hội nghị thường niên đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp. Hà Nội ngày 4 tháng 2 năm 2015.

Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 5 tháng 2 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020

Trần Lê Huy và Tô Xuân Phúc. 2013. Ngành công nghiệp dăm gỗ Việt Nam: Thực trạng và xu hướng phát triển trong tương lai. Forest Trends.

Quyết định 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp”.

Quyết định 919/QĐ-BNN-TCLN ngày 5 tháng 5 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm gỗ qua chế biến giai đoạn 2014-2020

Quyết định 651/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt kế hoạch triển khai phương án quản lý sản xuất dăm gỗ giai đoạn 2014-2020.